TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 708/2024/HS-PT
Ngày 30-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Vũ Thị Thu Hà;
bà Phan Thị Vân Hương.

- ***Thư ký phiên toà***: ông Phạm Thành Trung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại các điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 605/2024/TLHS-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Thị T, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án số 15/2024/HS-ST ngày 08-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Phạm Thị T sinh ngày 27-11-1983; trú tại: tổ 14, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị T; có chồng là Nguyễn Mạnh C (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 07-02-2023; có mặt.

Về nhân thân: Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 07 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Vũ Trung K - Công ty luật TNHH V, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Bị hại kháng cáo:* bà Nguyễn Thị H sinh năm 1969; trú tại: tổ 6, phường Q, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Luật sư Trần Ngọc C - Công ty luật TNHH H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng cuối năm 2019, do cần tiền để kinh doanh, Phạm Thị Tuyết A đã nhiều lần vay tiền bà Nguyễn Thị H sinh năm 1969 (trú tại tổ 6, phường Q, thành phố Tuyên Quang), với lãi suất thỏa thuận là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; thời gian đầu T trả đủ các khoản vay cả gốc và lãi cho bà H. Đến năm 2021, do dịch bệnh nên việc kinh doanh của T bị thua lỗ, để có tiền chi tiêu cá nhân và trả tiền vay gốc, tiền lãi của các khoản đã vay trước đó cho bà H. Từ ngày 02/11/2021 đến ngày 08/10/2022, T đã 12 lần đưa ra thông tin gian dối là vay tiền hộ cho người khác hoặc để sử dụng đáo hạn khoản vay tại ngân hàng, mục đích để bà H tin tưởng cho T vay tổng số tiền 2.705.000.000 đồng. Sau khi vay được số tiền trên, T đã chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân và trả nợ cho các khoản vay mà T đã vay trước đó của bà H; không có khả năng trả lại số tiền trên cho bà H. Cụ thể:

1. Ngày 02/11/2021, T đến nhà bà H và nói dối vay số tiền 100.000.000 đồng hộ chị gái Phạm Thị M sinh năm 1981, trú tại tổ 13 phường T, thành phố Tuyên Quang *(thực tế chị Mai không nhờ T vay số tiền trên)*. Bà H đã tin tưởng, đồng ý và giao cho T 100.000.000 đồng. Khi nhận tiền T đã tự viết vào sổ của bà H nội dung *"ngày 02/11/2021 cháu lấy hộ chị M (chị gái) 100 triệu"*. Sau đó, T sử dụng hết số tiền trên cho mục đích cá nhân và trả nợ một số khoản vay trước đó cho bà H.

2. Ngày 30/11/2021, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 80.000.000 đồng hộ chị Nguyễn Thu A sinh năm 1971, trú tại tổ 10, phường Q, thành phố Tuyên Quang *(thực tế chị A không nhờ T vay khoản tiền trên)*. Bà H tin tưởng, đồng ý, giao cho T 80.000.000 đồng. Khi nhận tiền T tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 32) với nội dung *"ngày 30/11/2021 cháu T lấy 80 triệu cho chị Hà Lân"*.

3. Ngày 17/12/2021, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 100.000.000 đồng cho chồng T là anh Nguyễn Mạnh Cường sinh năm 1980, trú tại tổ 14 phường P, thành phố Tuyên Quang để trả tiền nhân công cho thợ xây *(thực tế anh Cường không nhờ T vay khoản tiền trên)*. Bà H đồng ý, đưa cho T vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi nhận tiền T tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 32) với nội dung *"ngày 17/12/2021 cháu T lấy 100 triệu cho chồng"*.

4. Ngày 08/01/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 55.000.000 đồng để đáo nợ khoản vay của T tại Ngân hàng Chính sách *(thực tế T không có khoản vay nào tại Ngân hàng Chính sách, xã hội)*. Bà H đồng ý và cho T vay 55.000.000 đồng. T tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 32) với nội dung *"ngày 08/01/2022 cháu T vay cô 55 triệu đáo ngân hàng"*.

5. Ngày 22/7/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 500.000.000 đồng hộ chị Phạm Thị P sinh năm 1975, trú tại tổ 14, phường P, thành phố Tuyên Quang *(thực tế chị P không nhờ T vay khoản tiền trên)*. Bà H đồng ý đưa cho T số tiền 500.000.000 đồng. Khi nhận tiền Tuyết Anh tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 33) với nội dung *"ngày 22/7/2022, cháu T vay cô H 500.000.000 hẹn 3 hôm trả (lấy hộ cô Phương thuốc tây)"*.

6. Ngày 16/02/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 170.000.000 đồng để sử dụng đáo nợ ngân hàng *(thực tế T không có khoản vay nào tại Ngân hàng)*. Bà H tin tưởng và đồng ý cho T vay số tiền trên. Khi nhận tiền T tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 32) với nội dung "*ngày 16/2/2022, cháu T vay cô H 170 tr đáo ngân hàng*".

7. Ngày 27/7/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 300.000.000 đồng hộ cho anh Đồng Sỹ N sinh năm 1981, trú tại tổ 2, phường P, thành phố Tuyên Quang *(Anh N không nhờ T vay khoản tiền trên)*. Bà H tin tưởng, đồng ý và đưa cho T số tiền 300.000.000 đồng. Tuyết Anh tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 35) với nội dung "*Tối 27/7/22 cháu T vay 300 triệu lấy hộ gỗ tên N*".

8. Ngày 29/7/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 100.000.000 đồng hộ cho chị Tô Thị O sinh năm 1983, trú tại tổ 15, phường Q, thành phố Tuyên Quang (*Chị Hoài không nhờ T vay số tiền trên*). Bà H đồng ý và đưa cho Tuyết Anh số tiền 100.000.000 đồng. Tuyết Anh tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 35) với nội dung "*Tối 29/7/022 Tuyết lấy 100 tr lấy hộ hoài T bò*".

9. Ngày 30/7/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 300.000.000 hộ cho chị Phạm Thị Phương sinh năm 1975, trú tại tổ 14, phường P, thành phố Tuyên Quang (*Chị Phương không nhờ T vay khoản tiền trên*). Bà H đồng ý cho Tuyết Anh vay số tiền 300.000.000 đồng. T tự viết vào sổ của bà H (Tờ số 36) với nội dung "*30/7/022 Tuyết lấy 300 tr lấy cho cô Phương T Tây*".

10. Ngày 28/9/2022, T đi một mình đến nhà bà H nói dối vay số tiền 300.000.000 đồng hộ cho bà Trần Thanh U sinh năm 1972, trú tại tổ 10, phường Q, thành phố Tuyên Quang (*Bà Huệ không nhờ T vay số tiền trên*). Bà Hằng đồng ý và đưa cho T số tiền 300.000.000 đồng. Tuyết Anh tự viết vào quyển sổ của bà H (Tờ số 37) với nội dung *"28/9/2022 cháu Tuyết vay 300tr (Ba trăm triệu đồng) lấy hộ mẹ Huệ thịt lợn, hẹn 3 ngày trả"*.

11. Ngày 04/10/2022, T đến nhà bà H nói dối vay số tiền 500.000.000 đồng giúp cho chị Lê Minh sinh năm 1982, trú tại tổ 11, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang để mua nhà, hẹn 10 ngày sau sẽ trả tiền *(chị Minh không nhờ T vay khoản tiền trên)*. Bà H đồng ý và đưa cho Tuyết Anh số tiền 500.000.000 đồng; Tuyết Anh tự viết, ký vào quyển sổ của bà H (Tờ số 38) với nội dung *"Tối ngày 04/10/022 cháu Tuyết vay cô H 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) lấy hộ cho Minh cơm rang mua nhà Vincom, hẹn 10 ngày trả"*.

12. Ngày 08/10/2022, T một mình đến nhà bà H nói dối vay số tiền 200.000.000 đồng hộ cho bà Trần Thanh U sinh năm 1972, trú tại tổ 10, phường Q, thành phố Tuyên Quang (*Bà Huệ không nhờ T vay số tiền trên*). Bà Hằng đồng ý và đưa cho Tuyết Anh số tiền 200.000.000 đồng. Tuyết Anh tự viết vào quyển sổ của bà H (Tờ số 39) nội dung *"Ngày 08/10/2022 cháu T vay hộ mẹ Huệ thịt lợn 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) hẹn 3 ngày trả"*.

Như vậy, từ ngày 02/11/2021 đến ngày 08/10/2022, Phạm Thị Tuyết Anh đã 12 lần thực hiện hành vi lừa đảo, đưa ra thông tin gian dối là vay tiền hộ cho người khác hoặc để sử dụng đáo hạn khoản vay tại ngân hàng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hă tổng số tiền là 2.705.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được T đã sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ cho các khoản vay trước đó mà T đã vay của bà H (thực tế không có ai trong những người trên nhờ T vay hộ tiền; T không có khoản vay nào tại Ngân hàng). Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 100.000.000 đồng; còn chiếm hưởng 2.605.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 86/KL-KTHS ngày 05/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Trong 01 quyển sổ có bìa màu đen bọc giả da, khổ giấy 25 x 17 cm, mặt ngoài bìa có chữ "SỔ TỔNG HỢP T8-400" gồm 39 tờ (được đánh số thứ tự từ 01 đến 39), do bà Nguyễn Thị H giao nộp: Phần nội dung chữ viết và chữ ký đứng tên Phạm Thị T trong mẫu giám định với chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Thị T trên mẫu so sánh là cùng một người viết và ký.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, T khai: sau khi bà H có đơn tố giác hành vi của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, ngày 06/11/2022, T đến nhà bà H trả cho bà H 1.415.000.000 đồng bằng tiền mặt, nhưng bà H lấy tròn là 1.410.000.000 đồng, trong đó có 1.105.000.000 đồng là tiền vay gốc (vay cho chồng là Nguyễn Mạnh Cường 100.000.000 đồng; vay cho chị Nguyễn Thu Hà 80.000.000 đồng; vay cho chị Phạm Thị Mai 100.000.000 đồng; vay đáo nợ ngân hàng 55.000.000 đồng; vay hộ chị Phạm Thị Phương 500.000.000 đồng; vay đáo hạn ngân hàng 170.000.000 đồng) và 310.000.000 đồng tiền lãi. Khi đó, bà H ghi vào bên dưới trang sổ phần T ghi các khoản vay trên với nội dung *"đã thanh toán xong"* (là phần được xóa tại các tờ tài liệu được đánh số thứ tự 32, 33, 35 trong quyển sổ ghi chép do bà H giao nộp). Do tin tưởng nên T không yêu cầu bà H gạch chéo phần nội dung T đã viết, khi trả tiền không có người chứng kiến; nguồn tiền trả cho bà H là các khoản tiền T đã vay của bà H trước đó. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận những nội dung T đã khai trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, đối chất nhưng không đủ căn cứ xác định T đã trả cho bà H các khoản tiền nêu trên.

Tại Bản án số 15/2024/HS-ST ngày 08-4-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị T 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo Phạm Thị T chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 năm 07 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2023.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 122, Điều 127 và 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại bà Nguyễn Thị H, trú tại tổ 6, phường Q, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 2.605.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định việc xử lí vật chứng, về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19-4-2024, bị hại là bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa:

Bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo với lí do bị cáo phạm tội nhiều lần; bồi thường khắc phục thiệt hại không đáng kể.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trong khoảng thời gian từ ngày 02/11/2021 đến ngày 08/10/2022, Phạm Thị T đã nhiều lần có hành vi gian dối là vay tiền hộ cho các cá nhân trên địa bàn thành phố Tuyên Quang hoặc đáo hạn ngân hàng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H tổng số 2.705.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Phạm Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên; tuy nhiên trong quá trình xử lí vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường 1 phần thiệt hại; bị cáo có bố đẻ là thương binh. Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án trước và sau khi xét xử sơ thẩm, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 13 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: bị cáo và bị hại không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị H và giữ nguyên Bản án số 15/2024/HS-ST ngày 08-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang như sau: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị T 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của Bản án số 72/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo Phạm Thị T chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 năm 07 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2023.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo và bị hại không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Bị hại;
- Cục T.H.A DS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam